TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST Ngày 09-4-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Đặng Thị Đôi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn L 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Đào Ngọc T, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L 1, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam X- xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05/01/2021 và bản tự khai ngày 18/01/2021, chị H trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Đào Ngọc T thời gian năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2019 do phong cách sống không còn phù hợp, anh T thường xuyên theo bạn bè chơi bời, nghiện hút ma túy. Vợ chồng thường xuyên

xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh T thay đổi cách sống để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Đầu năm 2020 anh T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 08 năm 06 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, địa chỉ: xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị chưa đến thăm nom động viên anh lần nào. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con là Đào Khánh A, sinh ngày 25/02/2016 và Đào Ngọc T1, sinh ngày 17/3/2019, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng vì anh T đang phải chấp hành án tại trại giam nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị H đang làm nghề lao động tự do, mỗi tháng thu nhập kinh tế ổn định 10.000.000 đồng và có nơi ăn ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày tại bản tự khai ngày 08/3/2021: Thống nhất với chị H về thời gian kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Nay anh xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn trầm trọng, chị H xin ly hôn anh không có yêu cầu gì.

Về con chung: Có 02 con là Đào Khánh A, sinh ngày 25/02/2016 và Đào Ngọc T1, sinh ngày 17/3/2019, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 của Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay chị H xin ly hôn anh T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Đào Ngọc T.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đào Khánh A, sinh ngày 25/02/2016 và Đào Ngọc T1, sinh ngày 17/3/2019, hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H và anh T đều thống nhất giao hai con cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Đào Khánh A, sinh ngày 25/02/2016 và Đào Ngọc T1, sinh ngày 17/3/2019 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H tự nguyện kết hôn với anh T năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2019 do phong cách sống không còn phù hợp, anh T thường xuyên theo bạn bè chơi bời, nghiện hút ma túy. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng nhau. Mặc dù chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh T

thay đổi cách sống để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Đầu năm 2020 anh T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 08 năm 06 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên, địa chỉ: xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2020 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn anh T là có cơ sở chấp nhận; nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đào Khánh A, sinh ngày 25/02/2016 và Đào Ngọc T1, sinh ngày 17/3/2019 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H và anh T đều thống nhất giao cả 02 con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, được chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Đào Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Khánh A, sinh ngày 25/02/2016 và Đào Ngọc T1, sinh ngày 17/3/2019 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009044 ngày 08 tháng 01 năm

2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thanh Huyền

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Ngát **Đặng Thị Đôi** **Lưu Thanh Huyền**

Vụ H - T

Về tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án: Tôi đã giao nộp cho Tòa án 01 bản sao chứng minh nhân dân, 01 đơn xin xác nhận hộ khẩu gia đình, 01 bản sao trích lục kết hôn, 01 bản sao giấy khai sinh của con, bản tự khai, bản sao bản án số 55/2020, đơn xin xác nhận, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ.

Chủ tọa công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Đơn đề nghị thu thập tài liệu chứng cứ của chị H ngày 18/01/2021
- Biên bản xác minh tại UBND xã T ngày 12/3/2021 về tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng.
- Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 49 ngày 15/3/2021
- Biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 24/3/2021
- Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra chứng cứ ngày 24/3/2021.